

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt:

Nội dung đánh giá		Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt
1. Đặc tính kỹ thuật của hàng hóa		
1.1. Xe ô tô 1 cầu theo đúng chủng loại tại Mẫu số 01A webform và yêu cầu của Chương V	- Có thông số kỹ thuật của hàng hoá chào thầu và các tài liệu kỹ thuật chứng minh hàng hóa đáp ứng tất cả yêu cầu, tiêu chuẩn, thông số kỹ thuật hàng hóa được nêu tại Chương V: Yêu cầu về kỹ thuật và mục E-CDNT 10.8 của E-HSMT.	Đạt
	Không có thông số kỹ thuật của hàng hoá chào thầu các tài liệu kỹ thuật hoặc có nhưng không đầy đủ nội dung, không đáp ứng tất cả tiêu chuẩn, thông số kỹ thuật hàng hóa được nêu tại Chương V: Yêu cầu về kỹ thuật và mục E-CDNT 10.8 của E-HSMT.	Không đạt
1.2 Catalogue hoặc tài liệu kỹ thuật của xe ô tô có đầy đủ các thông số đặc tính kỹ thuật của hàng hóa	Có Catalogue hoặc Tài liệu kỹ thuật đính kèm có đầy đủ thông số kỹ thuật của hàng hóa đáp ứng yêu cầu của Chương V: Yêu cầu kỹ thuật	Đạt
(Trường hợp tiếng nước ngoài phải đính kèm bản dịch Tiếng Việt)	Không có Catalogue hoặc Tài liệu kỹ thuật đính kèm hoặc có nhưng không đầy đủ thông số kỹ thuật theo yêu cầu Chương V- yêu cầu kỹ thuật.	Không đạt
1.3. Vận chuyển và bàn giao hàng hóa	Đáp ứng theo yêu cầu tại Chương V: Yêu cầu về kỹ thuật	Đạt
	Không đáp ứng theo yêu cầu tại Chương V: Yêu cầu về kỹ thuật	Không đạt
2 Tiến độ cung cấp hàng hóa		
2.1 Tiến độ cung cấp hàng hóa hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E- HSMT (15 ngày)	Có Tiến độ cung cấp hàng hóa hợp lý, khả thi và phù hợp với đề xuất kỹ thuật, đáp ứng yêu cầu của E- HSMT không quá 15 ngày.	Đạt
	Không có Tiến độ cung cấp hàng hóa hoặc có Tiến độ cung cấp hàng hóa nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất kỹ thuật, không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT (vượt quá 15 ngày)	Không đạt
3. Giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp hàng hóa		

Tính hợp lý của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp hàng hóa.	- Có các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp hàng hóa hợp lý, đáp ứng yêu cầu là trong thời gian thực hiện hợp đồng.	Đạt
	Không đáp ứng một trong các yêu cầu trên	Không đạt
4. Bảo hành, bảo trì, dịch vụ sau bán hàng		
4.1. Thời gian Bảo hành tối thiểu là 60 tháng hoặc 150.000 km	Có cam kết thời gian bảo hành phù hợp với yêu cầu theo Chương V- Yêu cầu về kỹ thuật (tối thiểu là 60 tháng hoặc 150.000 km)	Đạt
	Không có cam kết bảo hành hoặc có nhưng thời gian bảo hành không phù hợp yêu cầu theo Chương V- Yêu cầu về kỹ thuật (ít hơn 60 tháng hoặc 150.000 km)	Không đạt
4.2 Dịch vụ sau bán hàng	- Cam kết có Cơ sở bảo trì và lực lượng kỹ thuật thực hiện công tác bảo trì bảo dưỡng. - Cam kết phụ tùng, linh kiện thay thế luôn có sẵn tối thiểu là trong thời gian bảo hành. - Cam kết thực hiện dịch vụ bảo trì, sửa chữa, cung cấp phụ kiện thay thế ngay trong vòng 2 ngày kể từ khi nhận được thông báo Chủ đầu tư. - Và đầy đủ các yêu cầu cam kết trong Chương V Yêu cầu kỹ thuật.	Đạt
	Không có cam kết hoặc có nhưng không đầy đủ bất kỳ nội dung nào như trên. - Nhà thầu không có thuyết minh hướng dẫn quy trình bảo trì, bảo dưỡng xe ô tô kèm theo đề xuất kỹ thuật.	Không đạt
5. Uy tín của nhà thầu		
Uy tín của nhà thầu thông qua việc thực hiện các hợp đồng tương tự trước đó trong vòng 3 năm từ 2023, 2024, 2025.	Nhà thầu có cam kết không vi phạm các nội dung sau đây (Điều 19 và 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP): - Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất khi được mời đối chiếu tài liệu; - Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối thương thảo hợp đồng (nếu có) hoặc đã tiến hành nhưng từ chối hoặc không ký kết biên bản thương thảo hợp đồng trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất khi được mời vào thương thảo hợp đồng, trừ trường hợp quy định tại khoản 7 Điều 45 của Nghị định 214/2025/NĐ-CP; - Nhà thầu được lựa chọn trúng thầu nhưng	Đạt

	<p>không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng, thỏa thuận khung hoặc không ký kết hợp đồng, thỏa thuận khung, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 34 của Nghị định 214/2025/NĐ-CP;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà thầu đã ký thỏa thuận khung nhưng không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng hoặc không ký kết hợp đồng. - Nhà thầu rút hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất; - Nhà thầu không nộp bản gốc bảo đảm dự thầu theo yêu cầu của chủ đầu tư hoặc không nộp tiền mặt, séc bảo chi, thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh theo quy định của pháp luật về đấu thầu; - Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng; - Nhà thầu từ chối hoặc không xác nhận về việc chấp thuận được trao hợp đồng trong thời gian tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày chủ đầu tư mời nhà thầu xác nhận về việc chấp thuận được trao hợp đồng trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia hoặc đã trúng thầu nhưng không thực hiện theo cam kết trong đơn dự thầu đối với chào giá trực tuyến rút gọn; - Nhà thầu vi phạm pháp luật về đấu thầu theo quy định của pháp luật. - Có lịch sử vi phạm hợp đồng, chấm dứt hợp đồng do lỗi của nhà thầu. <p>Nhà thầu phải có văn bản cam kết các nội dung nêu trên và đính kèm E-HSDT và cam kết cung cấp tài liệu gốc để đối chiếu nếu có yêu cầu của Chủ đầu tư.</p>	
	<p>Nhà thầu vi phạm một trong các tiêu chí uy tín của nhà thầu nêu bên.</p> <p>Nhà thầu không có văn bản cam kết các nội dung nêu trên và không đính kèm trong E-HSDT</p>	Không đạt
Kết luận⁽¹⁾		

Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản (như 1.1, 1.2, ..., 2.1, 3.1 ...) được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát (1, 2, 3, 4, 5) đều được đánh giá là đạt.